

Số: 780/2025/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 12 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách, chế độ đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, tỉnh Thái Bình trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 chịu sự tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo Kết luận số 183-KL/TW ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với đối tượng chịu sự tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo Kết luận 183-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư;

Xét Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách, chế độ đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp huyện trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 chịu sự tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo Kết luận số 183-KL/TW ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 274/BC-BPC ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách, chế độ đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, tỉnh Thái Bình

trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 chịu sự tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo Kết luận số 183-KL/TW ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách, chế độ đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, tỉnh Thái Bình trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với đối tượng chịu sự tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo Kết luận 183-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, tỉnh Thái Bình trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 nghỉ việc từ ngày 01 tháng 11 năm 2025 trở về trước do thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, bao gồm:

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch chuyên trách trong độ tuổi lao động.
2. Chủ tịch, Phó chủ tịch chuyên trách là người đã nghỉ hưu.
3. Người trong độ tuổi lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động.

Điều 3. Mức trợ cấp

1. Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng mức trợ cấp một lần bao gồm:

a) Trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng.

b) Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc làm việc tại các Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ (theo sổ bảo hiểm xã hội của mỗi người) nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc, mất việc làm hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ.

2. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng mức trợ cấp một lần bằng 1,5 tháng thù lao hiện hưởng cho mỗi năm làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (tính từ thời điểm nghỉ hưu tham gia công tác Hội đến thời điểm nghỉ việc tại Hội).

3. Trường hợp các đối tượng tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này không có văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định về mức lương hoặc thù lao làm việc tại Hội và không tham gia đóng bảo hiểm xã hội; có tham gia đóng bảo hiểm xã hội nhưng không có văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định về mức

lương hoặc thù lao làm việc tại Hội thì được hưởng mức trợ cấp tính theo mức lương cơ sở như sau:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng mức trợ cấp một lần bao gồm 03 tháng tiền lương cơ sở và 1,5 tháng tiền lương cơ sở cho mỗi năm công tác tham gia lãnh đạo Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ.

b) Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng mức trợ cấp một lần bao gồm 1,5 tháng tiền lương cơ sở cho mỗi năm công tác tham gia lãnh đạo Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ (tính từ thời điểm nghỉ hưu tham gia công tác lãnh đạo Hội đến thời điểm nghỉ việc tại Hội).

4. Mức trợ cấp của từng đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này tối đa không quá 24 tháng tiền lương hoặc thù lao hiện hưởng. Nếu quá 24 tháng tiền lương hoặc thù lao hiện hưởng thì được hưởng mức tối đa tại quy định này.

5. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này nghỉ việc từ ngày có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền đến trước ngày Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP có hiệu lực thi hành nhưng chưa được hưởng chính sách, chế độ theo quy định thì được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp đã được hưởng chính sách, chế độ nhưng mức trợ cấp thấp hơn chính sách, chế độ quy định tại Nghị quyết này thì được cấp bổ sung theo quy định tại Nghị quyết này.

6. Thời gian để tính trợ cấp đối với đối tượng quy định tại Nghị quyết này nếu có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm. Nếu có số ngày lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 ngày đến đủ 15 ngày tính là 0,5 tháng; từ trên 15 ngày đến dưới 31 ngày tính tròn là 01 tháng.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, Kỳ họp thứ 33 thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, MTTQ Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^{PT}.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn